

BẢN SAO

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

Đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình Đô thị Thanh Hóa (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa được chuyển đổi từ Công ty Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800152894 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH 100% vốn Nhà Nước sang Công ty Cổ phần.

Trụ sở chính : số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hình thức sở hữu vốn:

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/06/2016: 100% vốn Nhà nước;
- Từ ngày 09/06/2016, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần, hình thức sở hữu vốn như sau:

Loại nguồn vốn	Tỉ lệ (%)	Số lượng (đồng)
Nguồn vốn ngân sách Nhà Nước	51	16.320.000.000
Đỗ Thị Minh Hải	21,94	7.022.000.000
Nguồn vốn tư nhân	27,06	8.658.000.000
Tổng	100	32.000.000.000

Từ ngày 09/06/2016, Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa chuyển đổi và đổi tên thành Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần (09/6/2016) là 32.000.000.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 08/06/2016 là: 28.653.402.626 đồng. (Bao gồm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 905.499.223 đồng).

CHỖ
CHỮ
KÝ
BAN
T
NAT
MAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Trung tâm dịch vụ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
2	Xí nghiệp Duy tu Thoát nước	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
3	Xí nghiệp công viên cây xanh	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
4	Xí nghiệp dịch vụ Tang lễ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5	Xí nghiệp Cơ khí môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
6	Xí nghiệp xử lý môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7	Xí nghiệp Xây dựng	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
8	Xí nghiệp quản lý và xây lắp điện	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
9	Ban quản lý Công viên Hội An	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
10	Xí nghiệp xây lắp công trình	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
11	Đội kiểm tra môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
12	Xí nghiệp môi trường số 1, số 2, số 3	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
13	Đội thu phí vệ sinh	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
14	Văn phòng Công ty	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải, tái chế phế liệu: Rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác;
- Hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải;
- Quản lý, khai thác, chăm sóc công viên, khuôn viên, vườn hoa cây xanh đô thị;
- Quản lý, khai thác bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí thành phố, thiết bị kỹ thuật điện và công nghiệp;
- Quản lý nghĩa trang, nghĩa địa Dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy tu đường giao thông nội thị;
- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác VS môi trường, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, tang lễ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, phòng chống mối mọt; xây dựng các công trình điện đến 35KV, sửa chữa và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Giám sát thi công các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện đến 35KV;
- Tư vấn đầu thầu, lập dự án; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình điện đến 35KV;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

- Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán công trình dân dụng, lập quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng và bằng ô tô loại khác. Cho thuê xe có động cơ,
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan,
- Kinh doanh và cung cấp các sản phẩm về cây xanh, hoa cây cảnh, giống cây trồng, xây dựng lắp đặt các công trình: vườn hoa, vườn cảnh, vườn rừng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty từ ngày 09/6/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Minh Hải	Chủ tịch
Ông Hồ Viết Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên
Ông Thiệu Văn San	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong giai đoạn tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Viết Lân	Giám đốc	
Ông Thiệu Văn San	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Quý	Phó Giám đốc	
Ông Trần Chính	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/6/2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty từ ngày 09/6/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hiền	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 08/6/2016 của Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình Đô thị Thanh Hóa

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 08/6/2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- ✓ Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính của

Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

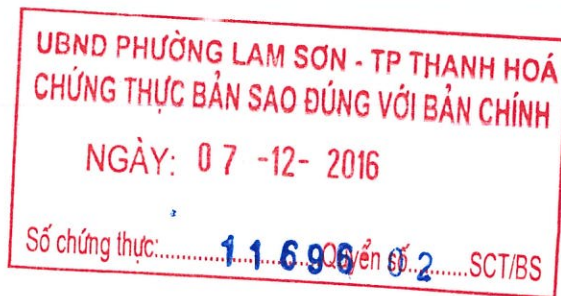
Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 08/6/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 08/6/2016.

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Giám đốc



Hồ Việt Lân



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Nga



HDT Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM

Vietnam HDT Auditing Company Limited

Trụ sở chính: 186 phố Nguyễn Cảnh Dị, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 35 666 390/391 * Fax: (84 4) 35 666 381 * Website: hdtaudit.com

Số: 1606101/BCKT-HDT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016
của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (sau đây được viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/7/2016, từ trang 8 đến trang 32, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 08 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

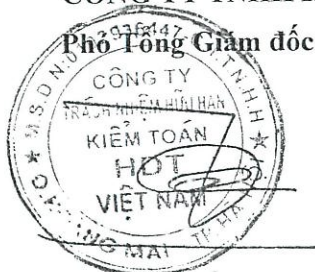
Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 08/6/2016. Một số khoản công nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu xác nhận số dư tại 08/6/2016. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi chưa thể khẳng định chắc chắn về tính hiện hữu của các chỉ tiêu này cũng như ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 08/6/2016.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa tại ngày 08/6/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 01/01/2016 đến 08/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HDT VIỆT NAM



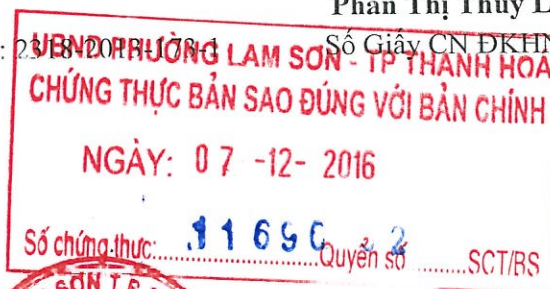
Nguyễn Tuấn Duy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2318-2013-173-1

Kiểm toán viên

Phan Thị Thúy Liên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1323-2013-173-1



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Nga

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 08 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	08/06/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.335.121.592	105.407.508.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	24.430.805.554	22.080.329.630
1. Tiền	111		11.430.805.554	7.080.329.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.741.666.051	54.112.371.857
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	36.571.581.016	48.707.572.718
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.053.517.595	357.998.980
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.116.567.440	5.046.800.159
IV. Hàng tồn kho	140		26.162.649.987	29.168.695.728
1. Hàng tồn kho	141	V.05	26.162.649.987	29.168.695.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	46.111.525
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	46.111.525
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.027.247.827	54.334.347.172
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.234.380.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	2.234.380.000
II. Tài sản cố định	220		45.787.642.024	43.184.178.939
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	45.787.642.024	43.184.178.939
- Nguyên giá	222		71.194.630.422	65.964.630.422
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(25.406.988.398)	(22.780.451.483)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.239.605.803	8.915.788.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	8.239.605.803	8.915.788.233
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		146.362.369.419	159.741.855.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 08 tháng 6 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	08/06/2016 Đồng	01/01/2016 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		118.639.653.013	127.664.008.906
I. Nợ ngắn hạn	310		57.296.082.153	68.601.191.291
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	19.317.356.094	33.630.565.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.087.091.000	5.908.116.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	1.256.456.300	2.662.643.325
4. Phải trả người lao động	314		3.300.355.767	6.242.503.219
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	944.276.450	1.577.839.896
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	23.163.615.529	14.425.239.856
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	3.310.000.000	4.640.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		916.931.013	(485.716.168)
II. Nợ dài hạn	330		61.343.570.860	59.062.817.615
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.10	6.148.515.077	4.996.512.809
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		55.195.055.783	54.066.304.806
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.722.716.406	32.077.847.006
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	28.653.402.626	32.873.196.366
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.747.903.403	26.260.905.933
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.480.962.790
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		905.499.223	5.125.292.963
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			6.034.680
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		(930.686.220)	(795.349.360)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		146.362.369.419	159.741.855.912

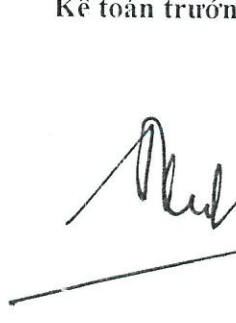
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thanh Hóa, ngày 11 tháng / năm 2016

Giám đốc


Nguyễn Đức Anh


Hồ Việt Lâm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 08/6/2016	Năm 2015
			Đồng	Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.985.755.068	182.218.628.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	62.975.999	546.544.495
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.922.779.069	181.672.083.631
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	57.677.496.109	163.219.351.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.245.282.960	18.452.732.130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	296.481.082	523.985.960
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.000.694.010	2.293.849.712
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.000.694.010	2.293.849.712
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	18.600.000	14.400.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	4.276.789.584	10.755.137.328
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.245.680.448	5.913.331.050
11. Thu nhập khác	31	VI.6	166.963.862	228.569.360
12. Chi phí khác	32	VI.7	320.655.843	247.766.891
13. Lợi nhuận khác	40		(153.691.981)	(19.197.531)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.091.988.467	5.894.133.519
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		186.489.244	768.840.556
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		905.499.223	5.125.292.963

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu


Nguyễn Thị Minh

Kế toán trưởng



Giám đốc




Hà Việt Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	81.252.352.648	201.504.072.939
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(21.033.816.467)	(86.128.043.961)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.236.308.177)	(68.298.822.471)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(1.605.006.033)	(2.171.678.731)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(565.375.124)	(775.073.131)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.186.130.853	38.459.636.966
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(52.542.449.191)	(75.076.253.388)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.455.528.509	7.513.838.223
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.104.640.000)	(1.408.560.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	194.088.441
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.650.000.000)	(44.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.200.000.000	61.150.000.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	151.164.415	523.985.960
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	596.524.415	16.459.514.401
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền thu từ đi vay	33	1.700.000.000	16.299.360.000
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.401.577.000)	(26.229.163.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.701.577.000)	(9.929.803.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.350.475.924	14.043.549.624
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.080.329.630	8.036.780.006
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.430.805.554	22.080.329.630

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Giám đốc


Nguyễn Thu Anh






Hà Việt Lân

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa được chuyển đổi từ Công ty Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800152894 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH 100% vốn Nhà Nước sang Công ty Cổ phần.

Trụ sở chính : số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hình thức sở hữu vốn:

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/06/2016: 100% vốn Nhà nước;
- Từ ngày 09/06/2016, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần, hình thức sở hữu vốn như sau:

Loại nguồn vốn	Tỉ lệ (%)	Số lượng (đồng)
Nguồn vốn ngân sách Nhà Nước	51	16.320.000.000
Đỗ Thị Minh Hải	21,94	7.022.000.000
Nguồn vốn tư nhân	27,06	8.658.000.000
Tổng	100	32.000.000.000

Từ ngày 09/06/2016, Công ty TNHH MTV Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa chuyển đổi và đổi tên thành Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần (09/6/2016) là 32.000.000.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 08/06/2016 là: 28.653.402.626 đồng. (Bao gồm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 905.499.223 đồng).

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Trung tâm dịch vụ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
2	Xí nghiệp Duy tu Thoát nước	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
3	Xí nghiệp công viên cây xanh	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4	Xí nghiệp dịch vụ Tang lễ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5	Xí nghiệp Cơ khí môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
6	Xí nghiệp xử lý môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7	Xí nghiệp Xây dựng	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
8	Xí nghiệp quản lý và xây lắp điện	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
9	Ban quản lý Công viên Hội An	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
10	Xí nghiệp xây lắp công trình	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
11	Đội kiểm tra môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
12	Xí nghiệp môi trường số 1, số 2, số 3	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
13	Đội thu phí vệ sinh	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
14	Văn phòng Công ty	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích và xây dựng các công trình về môi trường.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800152894 bao gồm:

- Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải, tái chế phế liệu: Rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác;
- Hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải;
- Quản lý, khai thác, chăm sóc công viên, khuôn viên, vườn hoa cây xanh đô thị;
- Quản lý, khai thác, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, diện trang trí thành phố, thiết bị kỹ thuật điện và công nghiệp;
- Quản lý nghĩa trang, nghĩa địa. Dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy tu đường giao thông nội thị;
- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác VS môi trường, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, tang lễ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, phòng chống mối mọt; xây dựng các công trình điện đến 35KV, sửa chữa và hoàn thiện các công trình xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giám sát thi công các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện đến 35KV;
- Tư vấn đầu thầu, lập dự án; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình điện đến 35KV;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán công trình dân dụng, lập quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng và bằng ô tô loại khác. Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh và cung cấp các sản phẩm về cây xanh, hoa cây cảnh, giống cây trồng, xây dựng lắp đặt các công trình: vườn hoa, vườn cảnh, vườn rừng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp hay thể Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm

Giai đoạn tài chính trong báo cáo này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/06/2016. Đây là giai đoạn tài chính kết thúc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước. Từ ngày 09/6/2016, Công ty đăng ký chuyển đổi hoạt động là Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a/ Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b/ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c/ Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (chỉ áp dụng cho báo cáo riêng).

d/ Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

e/ Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f/ Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại Công ty”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

g/ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên [hoặc trình bày theo chính sách kế toán của Công ty ví dụ áp dụng theo Chính sách lập dự phòng của Tập đoàn], hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

a) TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm

b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

c) Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư cho thuê được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại và được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận theo giá trị thuần (bằng nguyên giá trừ đi tổn thất). Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ phát sinh

Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

7. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty/Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước; Việc ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước tiền mua tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các quỹ theo quyết định của chủ sở hữu phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	5.675.101.420	2.107.936.549
Tiền gửi ngân hàng	5.755.704.134	4.972.393.081
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	15.000.000.000
Tổng	24.430.805.554	22.080.329.630

2. Các khoản phải thu khách hàng

2.1) Phải thu khách hàng ngắn hạn

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố - TP Thanh hoá	19.746.076.672	23.987.887.000
Ban quản lý dự án	1.875.363.000	5.175.363.000
Khác	14.950.141.344	19.544.322.718
Tổng	36.571.581.016	48.707.572.718

3. Các khoản phải thu khác

3.1) Phải thu ngắn hạn khác

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Chi phí cổ phần hóa	0	261.000.000
Bảo hiểm nộp thừa	0	1.211.274.445
Tạm ứng	1.101.033.700	404.895.226
Ký quỹ, ký cược	652.580.000	0
Phải thu khác	2.362.953.740	3.169.630.488
Tổng	4.116.567.440	5.046.800.159

3.2) Phải thu dài hạn khác

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Ký cược, ký quỹ	0	2.234.380.000
Tổng	0	2.234.380.000

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho

	08/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.455.885.097	0	1.443.258.390	0
Công cụ, dụng cụ	28.725.202	0	62.387.736	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.454.295.643	0	27.398.319.669	0
Thành phẩm	176.094.895	0	194.225.849	0
Hàng hoá	47.649.150	0	70.504.084	0
Tổng	26.162.649.987	0	29.168.695.728	0

5. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Phụ lục 01.

6. Chi phí trả trước

6.2) Chi phí trả trước dài hạn

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Công cụ dụng cụ còn lại chưa phân bổ	2.152.217.087	2.828.399.517
Giá trị lợi thế kinh doanh	6.087.388.716	6.087.388.716
Tổng	8.239.605.803	8.915.788.233

7. Phải trả người bán

7.1) Phải trả người bán ngắn hạn

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Công ty CP Đầu tư và xây dựng giao thông 2 TP Thanh Hóa	1.080.306.000	6.080.306.000
Công ty TNHH Xây dựng và kinh doanh Ngọc Anh Khác	8.113.029.699	8.490.031.637
	10.124.020.395	19.060.227.455
Tổng	19.317.356.094	33.630.565.092

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Thuế TNDN	86.489.472	462.736.228
Thuế GTGT	1.117.927.728	2.152.279.672
Thuế thu nhập cá nhân	0	0
Thuế khác	52.039.100	47.627.425
Tổng	1.256.456.300	2.662.643.325

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Doanh thu chưa thực hiện

9.1) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Doanh thu nhận trước	944.276.450	1.577.839.896
Tổng	944.276.450	1.577.839.896

9.2) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Doanh thu nhận trước	6.148.515.077	4.996.512.809
Tổng	6.148.515.077	4.996.512.809

10. Phải trả khác

10.1) Phải trả ngắn hạn khác

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Kinh phí công đoàn	141.248.341	0
Bảo hiểm xã hội	641.894	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	23.021.725.294	14.425.239.856
Tổng	23.163.615.529	14.425.239.856

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Trích trước chi phí xây mộ cát táng văn phòng - Hợp đồng với Công ty Thành Trung	1.392.065.652	1.392.065.652
Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa	0	2.050.000.000
Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng hạ tầng dự án "Lô mộ cảnh quan dòng họ - Nghĩa trang Chợ Nhàng	4.286.011.245	2.990.968.384
Ban quản lý dự án Nghĩa trang nhân dân Chợ Nhàng	11.646.615.877	4.811.881.463
BQLDA phát triển toàn diện kinh tế xã hội TP Thanh Hóa (CSEDP)	5.230.000.000	0
Dối tượng khác	608.922.755	3.114.318.357
Tổng	23.163.615.529	14.425.239.856

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Vay và nợ thuê tài chính

11.1) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	08/6/2016		01/01/2016	
	Đồng		Đồng	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính	3.310.000.000	3.310.000.000	4.640.000.000	4.640.000.000
Vay cá nhân không lãi suất	3.310.000.000	3.310.000.000	4.640.000.000	4.640.000.000
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0	0	0
Tổng	3.310.000.000	3.310.000.000	4.640.000.000	4.640.000.000

11.2) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Đồng		Đồng	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Vay Bộ Tài chính (*)	51.343.055.783	51.343.055.783	53.138.944.806	53.138.944.806
Ngân hàng Công thương Thanh Hóa	1.152.000.000	1.152.000.000	927.360.000	927.360.000
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	2.700.000.000	2.700.000.000	0	0
Tổng	55.195.055.783	55.195.055.783	54.066.304.806	54.066.304.806

(*) Số dư nợ vay Bộ Tài chính bao gồm: Tiền gốc vay là 39.797.650.129 đồng và tiền lãi vay là 11.545.405.654 đồng.

12. Vốn chủ sở hữu

12a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Phụ lục 02.

12b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa		
Vốn đầu tư chủ sở hữu	27.747.903.403	26.260.905.933
Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản	0	6.034.680
Quỹ đầu tư phát triển	0	1.480.962.790
Tổng	27.747.903.403	27.747.903.403

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	08/6/2016	01/01/2016
	Đồng	Đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.747.903.403	26.260.905.933
+ Vốn góp đầu năm	27.747.903.403	5.957.024.460
+ Vốn góp tăng trong năm	0	20.405.731.691
+ Vốn góp giảm trong năm	0	101.850.218
+ Vốn góp cuối năm	27.747.903.403	26.260.905.933

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016	Năm 2015
	Đồng	Đồng
Doanh thu lô mộ cảnh quan dòng họ	10.146.643.633	28.429.656.894
Doanh thu bán mộ cát táng	3.022.074.591	2.552.326.849
Doanh thu dịch vụ	50.817.036.844	151.236.644.383
Tổng	63.985.755.068	182.218.628.126

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016	Năm 2015
	Đồng	Đồng
Giảm giá hàng bán	62.975.999	546.544.495
Tổng	62.975.999	546.544.495

3. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016	Năm 2015
	Đồng	Đồng
Giá vốn lô mộ cảnh quan dòng họ	10.146.643.633	28.429.656.894
Giá vốn bán mộ cát táng	3.022.074.591	2.552.326.849
Giá vốn dịch vụ cung ứng dịch vụ	44.508.777.885	132.237.367.758
Tổng	57.677.496.109	163.219.351.501

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	296.481.082	523.985.960
Tổng	296.481.082	523.985.960

5. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Lãi tiền vay	1.000.694.010	2.293.849.712
Tổng	1.000.694.010	2.293.849.712

6. Thu nhập khác

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	194.088.441
Các khoản khác	166.963.862	34.480.919
Tổng	166.963.862	228.569.360

7. Chi phí khác

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	0	170.649.559
Các khoản bị phạt	266.501.587	4.864.133
Các khoản khác	54.154.256	122.253.199
Tổng	320.655.843	247.766.891

8. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Các khoản chi phí bán hàng khác	18.600.000	14.400.000
Tổng	18.600.000	14.400.000

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	1.679.370.453	4.824.876.372
Chi phí vật liệu	56.072.762	200.839.851
Chi phí đồ dùng văn phòng	365.119.091	492.680.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	158.911.610	207.281.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.995.913	1.924.899.081
Các khoản chi phí quản lý khác	1.418.319.755	3.104.559.766
Tổng	4.276.789.584	10.755.137.328

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.514.941.611	27.965.967.898
Chi phí nhân công	24.143.773.057	67.024.453.866
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.626.536.915	4.911.699.610
Chi phí máy thi công	3.187.871.644	23.943.947.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.789.771.136	30.115.737.457
Chi phí khác bằng tiền	1.418.319.755	7.396.568.704
Tổng	60.681.214.118	161.358.375.312

11. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 08/6/2016 Đồng	Năm 2015 Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.091.988.467	5.894.133.519
Thu nhập không chịu thuế	0	0
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	266.501.587	4.864.133
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	1.358.490.054	5.898.997.652
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	186.489.244	768.840.556
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	186.489.244	768.840.556

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2015 mà chưa được thuyết minh rõ tại báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Giai đoạn tài chính 01/01/2016 - 08/06/2016 là giai đoạn tài chính kết thúc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước. Từ ngày 09/6/2016, Công ty đăng ký chuyển đổi hoạt động là Công ty cổ phần. Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Anh

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hồ Việt Lâm

**UBND PHƯỜNG LAM SƠN - TP THANH HOÀ
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

NGÀY: 07 -12- 2016

Số chứng thực:.....11696.....Quyển số.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Nga

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/5/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

PHỤ LỤC 01

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: đồng	
							Cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu kỳ	11.075.307.940	15.420.405.500	39.174.263.864	45.413.636	249.239.482	65.964.630.422	
Số tăng trong kỳ	-	-	5.230.000.000	-	-	5.230.000.000	
- Tăng khác (*)	-	-	5.230.000.000	-	-	5.230.000.000	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	11.075.307.940	15.420.405.500	44.404.263.864	45.413.636	249.239.482	71.194.630.422	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	3.207.271.710	5.764.615.996	13.682.370.250	21.445.330	104.748.197	22.780.451.483	
Số tăng trong kỳ	154.779.585	676.148.080	1.768.221.845	6.307.450	21.079.955	2.626.536.915	
- Khấu hao trong kỳ	154.779.585	676.148.080	1.768.221.845	6.307.450	21.079.955	2.626.536.915	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	3.362.051.295	6.440.764.076	15.450.592.095	27.752.780	125.828.152	25.406.988.398	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	7.868.036.230	9.655.789.504	25.491.893.614	23.968.306	144.491.285	43.184.178.939	
Tại ngày cuối kỳ	7.713.256.645	8.979.641.424	28.953.671.769	17.660.856	123.411.330	45.787.642.024	

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 08/06/2016 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 08/06/2016 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 08/06/2016 chờ thanh lý: 0 đồng

(*) Tăng khác là do nhận, bàn giao từ Ban quản lý dự án CSEDIP theo Quyết định số 7279/UBND-CN ngày 12/8/2014 về việc "Điều chỉnh, bổ sung đơn vị nhận bàn giao các công trình hoàn thành của dự án CSEDIP để quản lý, sử dụng.

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

PHỤ LỤC 2.

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	5.957.024.460	0	6.034.680	1.480.962.790	4.284.198.395	11.728.220.325
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.125.292.963	5.125.292.963
Tăng khác	20.303.881.473	20.303.881.473	-	-	-	40.607.762.946
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(4.252.073.906)	(4.252.073.906)
Giảm khác	-	(20.303.881.473)	-	-	(32.124.489)	(20.336.005.962)
Số dư đầu năm nay	26.260.905.933	-	6.034.680	1.480.962.790	5.125.292.963	32.873.196.366
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	905.499.223	905.499.223
Tăng khác (*)	1.486.997.470	-	-	-	-	1.486.997.470
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	(5.125.292.963)	(5.125.292.963)
Giảm khác	-	-	(6.034.680)	(1.480.962.790)	-	(1.486.997.470)
Số dư cuối năm nay	27.747.903.403	-	-	-	905.499.223	28.653.402.626

(*) Công ty thực hiện tạm phân phối lợi nhuận theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014, cụ thể: Công ty căn cứ vào xếp hạng Doanh nghiệp năm 2014 để trích toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015, số tiền là 5.125.292.963 đồng vào Quỹ khen thưởng phúc lợi.